

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 35

Phần 1: Bản địa.

Địa thứ 15: Địa Bồ tát

Xứ Trì Du-già Thứ nhất: Phẩm 1: Chủng tánh

Như vậy là đã nói về địa Độc giác.

Thế nào là địa Bồ tát? Tụng nêu:

Đầu trì, tiếp tướng, phân

Ý tăng thượng lạc trụ

Sinh, thâm nhận địa, hành

Kiến lập là sau cùng.

Có mười pháp gồm thâm đủ đạo cùng quả của Bồ tát Đại thừa.

Những gì là mười pháp? Đó là:

1. Trì.
2. Tướng.
3. Phân.
4. Ý lạc tăng thượng.
5. Trụ.
6. Sinh.
7. Thâm nhận.
8. Địa.
9. Hành.
10. Kiến lập.

Thế nào gọi là trì? Nghĩa là các Bồ tát tự nương theo chủng tánh, đầu tiên phát tâm cùng dùng tất cả phần pháp Bồ đề. Đó gọi là trì. Vì sao? Do các Bồ tát tự nương theo chủng tánh, làm chỗ nương dựa, để kiến lập, có chỗ để gắng sức đảm nhận, có uy lực lớn, có thể chứng đắc Bồ đề Chánh đẳng Vô thượng. Do đó nói là các Bồ tát tự nương theo

chủng tánh.

Vì tánh trì có thể gắng đảm nhận của các Bồ tát, do các Bồ tát đầu tiên phát tâm, vì làm chỗ nương dựa, vì để kiến lập, nên đối với Thí, Giới, Nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Tuệ, đối với sáu Ba la mật đa, đối với hai thứ tư lương là phước đức và trí tuệ, đối với hết thảy phân pháp Bồ đề, đều có thể siêng năng tu học. Do đây nói các Bồ tát đầu tiên phát tâm. Vì các Bồ tát hành trì gia hạnh, do tất cả nẻo hành của các Bồ tát là phân pháp Bồ đề, vì làm chỗ nương dựa, vì để kiến lập, để viên mãn đạo quả Bồ đề Chánh đẳng Vô thượng, thế nên nói tất cả nẻo hành của các Bồ tát là phân pháp Bồ đề. Vì chỗ trì viên mãn Đại Bồ đề, vì Bồ đặc già la trụ nơi không chủng tánh là không chủng tánh, tuy có phát tâm cùng hành gia hạnh, làm chỗ nương dựa, nhất định không thể gắng sức đảm nhận, làm viên mãn đạo quả Bồ đề Chánh đẳng, Bồ đề Vô thượng. Do đạo lý ấy, nên tuy chưa phát tâm, chưa tu gia hạnh thuộc nẻo hành của Bồ tát, nếu có chủng tánh, nên biết, đối chiếu với Bồ tát mà được gọi là trì.

Lại, Bồ-đặc-già-la trụ nơi chủng tánh, nếu không phát tâm, không tu tập gia hạnh là nẻo hành của Bồ tát, thì tuy có thể gắng sức đảm nhận, nhưng không mau chóng chứng đắc đạo quả Bồ đề Vô thượng. Trái với trường hợp này, nên biết là mau chóng chứng đắc.

Lại, chủng tánh này đã gọi là trì, cũng gọi là trợ, cũng gọi là nhân, cũng gọi là nương dựa, cũng gọi là cấp bậc, cũng gọi là dẫn dắt ở trước, cũng gọi là nhà cửa. Như nói chủng tánh phát tâm đầu tiên, nẻo hành là gia hạnh, nên biết cũng như vậy.

Thế nào là chủng tánh? Nghĩa là lược có hai loại:

1. Chủng tánh trụ bản tánh.
2. Chủng tánh do tu tập thành.

Chủng tánh trụ bản tánh: Nghĩa là các Bồ tát với sáu xứ thù thắng có tướng như vậy. Từ đời vô thủy lần lượt truyền đến nay về chỗ đạt được pháp như thế. Đó gọi là chủng tánh trụ bản tánh.

Chủng tánh do tu tập thành: Nghĩa là trước đã thường xuyên tu tập nên đạt được thiện căn. Đó gọi là chủng tánh do tu tập thành. Ở đây về nghĩa, ý đều chọn lấy cả hai thứ.

Lại, chủng tánh này cũng gọi là chủng tử, cũng gọi là Giới, cũng gọi là tánh.

Lại nữa, chủng tánh này chưa hành tập thành quả, gọi là tế. Chưa có quả nên đã hành tập thành quả, gọi là thô, vì cùng kết hợp với quả. Nếu các Bồ tát thành tựu chủng tánh, hãy còn vượt quá tất cả Thanh

văn, Độc giác, hướng hồ là đối với hết thảy hữu tình khác. Nên biết về tính chất vô thượng, tối thắng của chủng tánh. Vì sao? Lược có hai thứ tịnh:

1. Phiền não chướng tịnh.
2. Sở tri chướng tịnh.

Chủng tánh của tất cả hàng Thanh-văn, Độc giác chỉ có thể sẽ chứng đắc phần làm tịnh phiền não chướng, không thể sẽ chứng đắc phần làm tịnh sở tri chướng. Chủng tánh của bồ tát đều có thể chứng đắc cả hai: Có thể làm thanh tịnh hai chướng phiền não và sở tri. Vì thế nói, so với tất cả chủng tánh kia thì chủng tánh của Bồ tát là vô thượng, tối thắng.

Lại do bốn sự, nên biết Bồ tát là hơn hẳn đối với tất cả Thanh văn, Độc giác. Những gì là bốn sự? Đó là:

1. Căn hơn hẳn.
2. Hành hơn hẳn.
3. Thiệt xảo hơn hẳn.
4. Quả hơn hẳn.

Nói căn hơn hẳn: Nghĩa là bản tánh của các Bồ tát là lợi căn, Độc giác là trung căn, Thanh văn là hạ căn. Đó gọi là căn hơn hẳn.

Nói hành hơn hẳn: Nghĩa là các Bồ tát có thể tự lợi, cũng có thể lợi tha, tạo lợi ích, an lạc cho vô lượng chúng sinh, xét thương thế gian, khiến cho chư Thiên, loài người đạt được thắng nghĩa với lợi ích, an lạc. Hàng Thanh văn, Độc giác chỉ hành tự lợi. Đó gọi là hành hơn hẳn.

Thiệt xảo hơn hẳn: Hàng Thanh văn, Độc giác, ở trong Uẩn, Xứ, Giới, Duyên khởi, Xứ phi xứ có thể tu thiệt xảo. Bồ tát đối với các pháp ấy, cùng đối với hết thảy minh xứ khác đều có thể tu thiệt xảo. Đó gọi là thiệt xảo hơn hẳn.

Nói quả hơn hẳn: Hàng Thanh văn có thể chứng Bồ đề Thanh văn. Hàng Độc giác có thể chứng Bồ đề Độc giác. Chư Bồ tát có thể chứng đắc đạo quả Bồ đề Chánh đẳng Vô thượng. Đó gọi là quả hơn hẳn.

Lại, các Bồ tát có tướng chủng tánh của sáu Ba-la-mật-đa. Do tướng này nên khiến cho kẻ khác nhận biết rõ về Bồ tát chân thật. Đó là tướng chủng tánh của Thí Ba-la-mật-đa, tướng chủng tánh của Giới, Nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Tuệ Ba-la-mật-đa.

Thế nào là tướng chủng tánh nơi Thí Ba-la-mật-đa của Bồ tát? Nghĩa là bản tánh của các Bồ tát là vui thích bố thí, đối với các thứ hiện có luôn gắng sức bố thí cho các loài, tánh thường hằng, không gián đoạn, luôn có thể đối với kẻ khác ban bố bình đẳng. Tâm hoan hỷ

thí cùng với ý tưởng không hối tiếc. Vật bố thí tuy ít nhưng có thể phân phát đều khắp. Tuệ thí luôn rộng lớn, không phải là nhỏ hẹp, không nơi chốn để hiện bày tuệ thí thì thường mang sự hổ thẹn sâu xa. Luôn ưa vì kẻ khác tán thán về bố thí, khuyến khích bố thí. Thấy người bố thí, tâm luôn tùy hỷ. Đối với các bậc trưởng thượng, tôn quý, là phước điền nên cúng dường, thì từ tòa ngồi đứng dậy, cung kính phụng thí. Trong việc tạo lợi ích cho các hữu tình vô tội nơi đời này và những đời khác, hoặc có thỉnh hoặc không thỉnh, Bồ tát luôn như lý vì họ mà nêu giảng. Nếu các hữu tình có sự sợ hãi đối với vua quan, giặc cướp, lửa, nước gây họa, thì Bồ tát bố thí cho họ vô úy, có thể ở trong vô số sự sợ hãi cùng cực, tùy năng lực mà cứu độ. Thọ nhận vật gửi gắm của người khác, Bồ tát chưa từng sai trái. Nếu mang nợ đối với kẻ khác, Bồ tát trọn không đối gạt, chống cự, nơi chỗ tài sản cùng chúng tạo nên, cũng không hề khi trá, vu khống. Nơi vô số các vật dùng cần cho sự sống, các thứ vật báu như mật ni, chân châu, lưu ly, loa bối, ngọc bích, san hô, vàng, bạc v.v... nếu là kẻ tâm mê loạn điên đảo, Bồ tát có thể vì họ mà khai ngộ đúng đắn, hãy còn không khiến cho kẻ kia lừa dối, vu khống, hưởng hồ là chính mình tự làm. Tánh của Bồ tát ưa thích tạo được tài sản, ngôi vị rộng lớn, đối với tất cả những thứ ấy, tâm ưa thọ dụng để bố thí, vui thích với sự nghiệp lớn lao, không phải là các môn nhỏ hẹp. Trong vô số sự việc biến hiện tham đắm của thế gian như rượu chè, sắc đẹp, cờ bạc, ca múa, hát xướng, Bồ tát luôn mau chóng chán bỏ, luôn sinh sự hổ thẹn sâu xa. Đạt được của cải, châu báu nhiều, Bồ tát hãy còn không tham vương hưởng chi là những lợi nhỏ. Các loại như vậy, nên biết gọi là tướng chủng tánh nơi Thí Ba-la-mật-đa của Bồ tát.

Thế nào là tướng chủng tánh nơi Giới Ba-la-mật-đa của Bồ tát? Đó là bản tánh của các Bồ tát chỉ gây tạo các pháp bất thiện thuộc phẩm hạ, ba nghiệp thân ngữ ý không hề bạo ác, đối với các hữu tình không hề gây tổn hại nặng. Tuy có thể tạo nghiệp ác nhưng mau chóng hối hận, luôn mang nặng sự xấu hổ, không sinh thích thú. Không hề dùng đao, gậy, tay chân, gỗ đá v.v... để não hại các hữu tình. Đối với các chúng sinh, tánh thường từ bi, thân ái. Nơi chỗ nơi kính, tức khởi tâm cung phụng, nghinh đón, chấp tay thưa hỏi, hiện tiền lễ bái, tu nghiệp hòa kính. Việc làm luôn thích ứng, nhanh nhẹn, không phải là hạng ngu độn. Khéo tùy thuận nơi tâm ý của kẻ khác, sắc diện thư thái, luôn mỉm cười, mọi ngẫm nhìn đều bình đẳng, xa lìa mọi cau có, luôn lên tiếng hỏi han trước. Mang ơn nơi hữu tình, luôn biết ơn, biết báo đáp. Đối với người tới để cầu xin, Bồ tát luôn hành xử chánh trực, không dùng lối dua

ninh, đối trá để đáp lại họ. Như pháp để tạo dựng tài sản, không dùng phi pháp, không dùng các phương tiện xấu ác. Tánh luôn vui vẻ, tu các nghiệp phước. Nơi việc tu phước của kẻ khác hãy còn có thể khen ngợi, khích lệ, hỗ trợ, hướng hồ là không tự mình làm. Hoặc thấy hoặc nghe người khác chịu khổ như bị đánh đập, trói giết, mắng nhiếc, bức hiếp thì xem các khổ ấy còn hơn là chính mình nhận chịu. Kính trọng nơi việc thọ nhận pháp, cùng kính trọng hậu thế. Ở trong chút ít tội lỗi hãy còn cảm thấy sợ hãi sâu xa, hướng chỉ là đối với nhiều tội. Nơi vô số các sự việc nên tạo tác của kẻ khác như buôn bán, làm nông, chăn nuôi, thờ vua, in ấn, tính toán luôn khéo hòa giải mọi tranh chấp, kiện tụng. Tìm kiếm của cải, châu báu, luôn biết giữ gìn, dành dụm, tạo phương tiện để có lợi cùng để xả thí. Hôn nhân, hội tập ở đây tất cả đều đúng như pháp luật, thì cùng đồng sự. Đối với các sự việc gây tranh chấp kiện cáo, hoặc các việc cùng nhau mưu hại, có thể khiến cho mình và người trở thành vô nghĩa, không lợi ích chỉ nhận lấy khổ não, tất cả các thứ phi pháp sự như thế, thì không cùng đồng sự. Khéo có thể ngăn chặn những việc không nên làm, đó là mười thứ nghiệp đạo ác, bất thiện. Khéo thuận hợp nơi chỗ đồng nhân đồng giới của người khác. Đối với sự nghiệp của kẻ khác, theo chỗ mong muốn của họ, đã dứt bỏ việc làm của mình mà được thành tựu, tâm của Bồ tát luôn ôn hòa, thuần tịnh. Tâm giận, tâm hại không nối tiếp lâu. Tùy sinh khởi, tuy xả bỏ, luôn dấy tâm hiền thiện. Tôn trọng lời nói thật, không dối gạt kẻ khác. Không lia sự gần gũi của người khác, cũng không ưa thích. Không khinh chê kẻ nêu bày những ngôn ngữ vô nghĩa, không lợi ích, không tương ứng. Bồ tát luôn hòa nhã, dịu dàng, không hề thô bạo. Đối với hàng tội tử của mình, hãy còn không nói lời gây khổ, hướng hồ là đối với người khác có đức, được yêu kính, tức luôn tán thán đúng như thật về họ. Các loại như thế, nên biết gọi là tướng chủng tánh nơi Giới Ba-la-mật-đa của Bồ tát.

Thế nào là tướng chủng tánh nơi Nhẫn Ba-la-mật-đa của Bồ tát? Nghĩa là tánh của chư Bồ tát, đối với kẻ khác mà mình gặp phải điều không lợi ích, Bồ tát không có tâm giận, hại, cũng không báo thù, nếu họ phục thiện, thì mau chóng có thể chấp nhận, trọn không kết hận, không mang tâm oán đối lâu dài. Các loại như thế, nên biết gọi là tướng chủng tánh nơi Nhẫn Ba-la-mật-đa của Bồ tát.

Thế nào là tướng chủng tánh nơi Tinh tấn Ba-la-mật-đa của Bồ tát? Tức là tánh của các Bồ tát là luôn tự vươn cao, siêng năng, ngủ muộn, dậy sớm, không tham đắm việc ngủ nghỉ, cầu vui. Nơi mọi việc làm đều quyết đoán, dũng mãnh, vui vẻ hành trì không sinh biếng nhác.

Xét chọn phương tiện chính là nhằm khiến đạt đến cứu cánh. Phạm chỗ thực hiện tất cả sự nghiệp luôn quyết định vững chắc. Nếu chưa tạo khắp, chưa cùng đạt đến cứu cánh, trọn không giữa chừng ngừng bỏ, thối chuyển. Ở trong đệ nhất nghĩa rộng lớn, tâm không khiếm nhược, không tự xem thường, mà luôn phát tâm dũng mãnh: Ta nay có đủ năng lực, có thể chứng đắc các pháp kia. Hoặc nhập nơi đại chúng, hoặc cùng với kẻ khác tranh biện, hoặc là vô số các sự việc khó làm khác, đều không sợ hãi, có thể dẫn đến nghĩa lợi. Trong sự việc lớn lao, Bồ tát hãy còn không chán nản, hướng chi là các việc nhỏ. Các loại như vậy, nên biết gọi là tướng chủng tánh nơi Tinh lự Ba-la-mật-đa của Bồ tát.

Thế nào là tướng chủng tánh nơi Tinh lự Ba-la-mật-đa của Bồ tát? Đó là, tánh của các Bồ tát, nơi các nghĩa pháp đều có thể tư duy kỹ, không có nhiều tán loạn. Hoặc thấy hoặc nghe về chốn A-luyện-nhã, chốn rừng núi hang đầm, là biên vực tận cùng của sự ngỗ, nằm, người không quen hành, lìa chúng sanh xấu ác, thuận theo nẻo yên lặng, liền khởi suy niệm: Xứ ấy là an lạc, là xuất ly, là xa lìa. Luôn đối với chốn xuất ly và xa lìa sanh tâm yêu, mộ sâu xa. Tánh luôn làm mỏng phiền não, các thứ ngăn che đều nhẹ, nhỏ, mọi thứ thô trọng đều yếu kém. Tới chốn xa lìa để xét lường về tự nghĩa. Tâm không hề bị sự vây buộc của các tâm tư xấu ác. Đối với phẩm oán hãy còn có thể mau chóng an trụ nơi tâm từ, hướng chi là đối với phẩm thân và phẩm trung gian.

Hoặc thấy hoặc nghe chúng sinh có khổ, bị vô số các khổ bức bách, liền khởi tâm đại bi, nơi các chúng sinh ấy, tùy theo năng lực tạo phương tiện để cứu độ, khiến họ lìa các khổ. Đối với chúng sinh, tánh tự vui thích bố thí tạo lợi ích an lạc. Quyến thuộc suy kém, tài sản, vật báu bị mất mát, có người bị giết hại, bị bắt bớ giam cầm, xua đuổi, trong những khổ nạn như thế, Bồ tát đều có thể an nhẫn. Tánh vốn thông sáng, mẫn tiệp, đối với pháp Bồ tát đều có thể thọ nhận, suy xét, tin giữ, thành tựu niệm lực. Nơi các sự việc được tạo tác, nêu giảng, Bồ tát luôn có thể tự ghi nhớ, cũng khiến kẻ khác ghi nhớ. Các loại như vậy nên biết gọi là tướng chủng tánh nơi Tinh lự Ba-la-mật-đa của Bồ tát.

Thế nào là tướng chủng tánh nơi Tuệ Ba-la-mật-đa của Bồ tát? Đó là các Bồ tát thành tựu tuệ câu sinh, có thể hội nhập nơi cảnh giới của tất cả minh xứ. Tánh không bướng, độn; tánh không kém, tối; tánh không ngu si, lìa hẳn mọi phóng dật, có sức xét chọn. Các loại như vậy nên biết gọi là tướng chủng tánh nơi Tuệ Ba-la-mật-đa của Bồ tát.

Nên biết, đó gọi là có thể so sánh về tướng thô nơi chủng tánh của Bồ tát. Quyết định về nghĩa thật, chỉ có Đức Phật Thế Tôn mới hiện

thấy một cách rõ ráo.

Do các Bồ tát hiện có tánh của chủng tánh tương ứng với công đức như thế, thành tựu các pháp bạch tịnh của bậc hiền thiện, do đó có thể đối với quả vị Như-lai tối thắng, khó đạt được, không thể nghĩ bàn, vô động, vô thượng, chứng đắc phần nhân, ứng hợp với đạo lý chánh đáng. Ngoài ra, chủng tánh Bồ tát không ứng hợp lý, thậm chí chưa là pháp bạch, cũng trái ngược với bốn thứ tùy phiền não. Hoặc tánh bị nhiễm ô đủ, không đủ để tương ứng với pháp bạch như thế. Nếu bị nhiễm ô như vậy là pháp bạch đều không hiển hiện. Hoặc vào một thời sinh nơi các cõi ác. Bồ tát tuy sinh trong các cõi ác, nhưng do lực của chủng tánh, nên biết so với những chúng sinh khác sinh nơi cõi ác, có sai biệt lớn. Nghĩa là, Bồ tát kia ở lâu nơi sinh tử, hoặc có nhiều thời gian sinh vào các cõi ác, tuy tạm sinh vào đấy nhưng mau chóng có thể giải thoát. Dù ở tại cõi ác nhưng không nhận chịu những khổ thọ mãnh liệt như các hữu tình khác bị đọa vào cõi ấy. Bồ tát tuy tiếp xúc với khổ ít nhưng có thể phát sinh sự chán lìa tăng thượng, đối với các hữu tình bị đọa vào cõi ác, nhận chịu khổ não luôn khởi tâm Bi sâu xa. Các sự việc như vậy đều do chủng tánh, là chỗ huân tập, phát khởi của nhân đại bi nơi Đức Phật. Vì thế nên biết, chủng tánh Bồ tát là lìa sinh nơi cõi ác, nhưng nơi các trường hợp ngoại lệ thì so với những hữu tình sinh vào cõi ác, đều có sai biệt lớn.

Những gì gọi là pháp bạch của chủng tánh Bồ tát trái ngược với bốn thứ tùy phiền não? Đó là kẻ phóng dật, do trước đã thường xuyên hành tập các thứ phiền não, nên tánh thành mãnh liệt, luôn gắn với phiền não. Đó gọi là tánh của tùy phiền não thứ nhất. Lại, kẻ ngu si, kẻ không thiện xảo, dựa nhờ vào bạn ác. Đó gọi là tánh của tùy phiền não thứ hai.

Lại, những kẻ hoặc bị các bậc tôn trưởng, các phu chủ, vua quan, quân giặc, kẻ oán địch bắt bớ, bức bách, không được tự tại, tâm ý mê loạn. Đó gọi là tánh của tùy phiền não thứ ba. Lại, những kẻ với các vật dụng nuôi sống bị thiếu thốn, luôn tham luyến thân mạng, đó gọi là tánh của tùy phiền não thứ tư.

Lại, các Bồ tát tuy đầy đủ chủng tánh, nhưng do bốn nhân duyên nên không thể mau chóng chứng đắc đạo quả Bồ đề Vô thượng. Những gì là bốn? Đó là: Các Bồ tát trước chưa được gặp gỡ chư Phật, chư Bồ tát, là thiện tri thức chân chính, vì họ thuyết giảng đạo Bồ đề không điên đảo. Như vậy gọi là nhân duyên thứ nhất.

Lại, các Bồ tát tuy đã được gặp bạn lành, vì họ thuyết giảng chánh

đạo, nhưng chấp trước điên đảo, ở trong chỗ tu học chân chánh của các Bồ tát, đã tu học điên đảo. Như thế gọi là nhân duyên thứ hai.

Lại, các Bồ tát tuy đã gặp bạn lành, được thuyết giảng về chánh đạo, ở trong chỗ tu học chân chánh của các Bồ tát, tu học thuận hợp, nhưng đối với phương tiện gia hạnh lại trì hoãn, biếng trễ, lười nhác, không thành tựu tinh tấn dũng mãnh vượt bậc. Như thế gọi là nhân duyên thứ ba.

Lại nữa, các Bồ tát tuy gặp được bạn lành, được nghe thuyết giảng chánh đạo, ở trong chỗ tu học đúng đắn của các Bồ tát đã tu học thuận hợp, cũng tinh tấn, dũng mãnh đối với phương tiện gia hạnh, nhưng các thiện căn vẫn chưa thành thực, tư lương của Bồ đề chưa được viên mãn, chưa ở trong thời gian dài tích tập các pháp Bồ đề phần hiện có. Như vậy gọi là nhân duyên thứ tư.

Như thế, Bồ tát tuy có chủng tánh, nhưng thiếu nhân duyên nên không thể mau chóng chứng đắc đạo quả Bồ đề Vô thượng. Nếu có đủ nhân duyên, tức có thể mau chóng chứng đắc. Nên nếu các Bồ-đặc-già-la không có chủng tánh, tuy có tất cả nhân duyên, tất cả chủng loại, nên biết quyết định không thể chứng đắc Bồ đề.

Địa thứ 15: Địa Bồ tát.

Xứ trì Du già thứ nhất: Phẩm 2: Phát tâm

Lại nữa, Bồ tát đầu tiên phát tâm, đối với chánh nguyện hiện có của các Bồ tát, là chánh nguyện thứ nhất, có thể thấu nhận toàn bộ các chánh nguyện khác. Do đó, phát tâm được xem là chánh nguyện thứ nhất, là tự tánh của Bồ tát.

Lại, các Bồ tát, lúc khởi tâm chánh nguyện cầu đạt Bồ đề, tức phát tâm như vậy, nêu bày như vậy:

Nguyện tôi quyết định sẽ chứng đắc đạo quả Bồ đề Chánh đẳng Vô thượng, có thể tạo tất cả nghĩa lợi cho các hữu tình, có thể đạt đến Niết bàn cứu cánh, là xứ an lạc rốt ráo, cùng ở trong trí tuệ rộng lớn của Như-lai.

Phát tâm như thế, quyết định là tự mong cầu về đạo quả Bồ đề Vô thượng, cùng cầu có thể tạo nghĩa lợi cho hữu tình. Vì thế, phát tâm là xác định sự mong cầu, là hành tướng của Bồ tát.

Lại, các Bồ tát duyên nơi Đại Bồ đề, cùng duyên nơi tất cả nghĩa lợi của hữu tình để phát tâm mong cầu, chẳng phải là không có đối tượng duyên. Do vậy, phát tâm là dùng Đại Bồ đề cùng tất cả nghĩa lợi của hữu tình làm cảnh của đối tượng duyên.

Lại, các Bồ tát đầu tiên phát tâm, có thể gồm thấu hết thủy thiện căn thù thắng của pháp phần Bồ đề, làm đứng đầu, nên là thiện cực thiện, là hiền cực hiền, là diệu cực diệu, có thể tương ứng với công đức, trái với xử sở hành ác nơi ba nghiệp của tất cả hữu tình.

Lại, các Bồ tát đầu tiên phát tâm, đầy khởi chánh nguyện, đối với tất cả sự mong cầu khác nơi thế gian, xuất thế gian, thì nghĩa nơi chánh nguyện diệu thiện, là bậc nhất, là tối thắng, là vô thượng. Như vậy nên biết, phát tâm đầu tiên có năm thứ tướng:

1. Tự tánh.
2. Hành tướng.
3. Đối tượng duyên.
4. Công đức.
5. Tối thắng.

Lại, các Bồ tát mới phát tâm rồi, tức gọi là hướng nhập Bồ đề Vô thượng, dựa vào số lượng của các Bồ tát Đại thừa.

Đây là căn cứ vào đạo lý của thế tục để nêu bày, vì thế phát tâm là thuộc về hướng nhập.

Lại, các Bồ tát phát tâm đầu tiên rồi mới có thể dần dần, mau chóng chứng đắc đạo quả Bồ đề Chánh đẳng Vô thượng, chẳng phải là chưa phát tâm. Do đó, phát tâm có thể làm căn bản cho Bồ đề Vô thượng.

Lại, các Bồ tát luôn thương xót tất cả chúng sinh có khổ, vì nhằm cứu độ nên phát tâm Bồ đề. Vì thế, phát tâm là đẳng lưu của tâm đại bi.

Lại, các Bồ tát do phát tâm đầu tiên làm chỗ nương dựa, làm chỗ kiến lập, nên đối với tất cả pháp phần Bồ đề cùng tạo nghĩa lợi cho hết thủy hữu tình, trong chỗ tu học của Bồ tát đều có thể tu học. Do vậy, phát tâm là chỗ nương dựa để tu học của các Bồ tát. Như thế nên biết, phát tâm đầu tiên là hướng nhập, là gồm thấu căn bản của Bồ đề, là đẳng lưu của đại bi, là chỗ nương dựa của việc tu học.

Lại, các Bồ tát đầu tiên phát tâm lược có hai loại:

1. Vĩnh viễn xuất ly.
2. Không vĩnh viễn xuất ly.

Vĩnh viễn xuất ly: Nghĩa là phát tâm rồi thì tùy chuyển rốt ráo, không còn thối lui.

Không vĩnh viễn xuất ly: Tức phát tâm rồi nhưng không dốc sức tùy chuyển mà lại thối lui.

Phát tâm nhưng thối chuyển ấy lại có hai loại:

1. Hoàn toàn.

2. Không hoàn toàn.

Thối chuyển hoàn toàn: Nghĩa là một lần thối chuyển rồi thì không thể trở lại phát tâm cầu Bồ đề.

Thối chuyển không hoàn toàn: Tức là thối chuyển rồi, về sau lại thường xuyên phát tâm cầu Bồ đề.

Nên biết Bồ tát đầu tiên phát tâm do bốn thứ duyên, bốn thứ nhân, bốn thứ lực.

Thế nào là bốn duyên? Đó là các thiện nam, thiện nữ, hoặc thấy chư Phật cùng chư Bồ tát có các uy lực, thần biến hết sức hy hữu, không thể nghĩ bàn, hoặc từ chỗ đáng tin cậy được nghe các sự việc như vậy. Đã thấy, nghe rồi liền khởi niệm: Đạo quả Bồ đề Vô thượng gồm đủ các uy đức lớn, khiến cho người an trụ, người tu hành thành tựu được các uy lực, thần biến không thể nghĩ bàn như đã thấy nghe như vậy. Do sức tăng thượng của sự thấy nghe ấy, nên đối với Đại Bồ đề sinh sự tin hiểu sâu xa. Nhân đấy, phát khởi tâm Đại Bồ đề. Đó gọi là duyên thứ nhất của Bồ tát phát tâm đầu tiên.

Lại có một loại hữu tình tuy không thấy nghe các uy lực thần biến như đã nói ở trước, nhưng nghe nêu giảng về giáo pháp của tạng Bồ tát, dựa trên chánh pháp vi diệu của đạo quả Bồ đề Chánh đẳng Vô thượng, nghe rồi thì tin tưởng sâu xa. Do sức tăng thượng của việc nghe chánh pháp cùng tin tưởng sâu xa, nên đối với trí Như-lai càng sinh tin hiểu. Vì nhằm đạt được trí Như-lai vi diệu, nên phát tâm Bồ đề. Đó gọi là duyên thứ hai của Bồ tát phát tâm đầu tiên.

Hoặc có một loại hữu tình tuy không lắng nghe chánh pháp như trên, nhưng thấy tất cả pháp tạng Bồ tát sắp sửa bị diệt mất. Thấy sự ấy rồi liền khởi suy niệm: Pháp tạng Bồ tát trụ lâu nơi đời có thể diệt trừ khổ lớn của vô lượng chúng sinh. Ta nên phát tâm Bồ đề giữ vững lấy pháp tạng Bồ tát, nhằm diệt trừ khổ lớn cho vô lượng chúng sinh. Do sức tăng thượng của việc hộ trì pháp tạng Bồ tát, nên đối với trí Như-lai, sinh tin hiểu sâu xa. Vì nhằm chứng đắc trí Như-lai vi diệu nên phát tâm Bồ đề. Đó gọi là duyên thứ ba của Bồ tát phát tâm đầu tiên.

Hoặc có một loại hữu tình tuy không nhìn thấy chánh pháp sắp bị diệt mất, nhưng đối với kiếp mạt, đời mạt, thời mạt, thấy các chúng sanh ác trước thân tâm bị mười thứ tùy phiền não làm não loạn. Tức là nhiều ngu si, nhiều loại không biết hổ thẹn, nhiều các thứ keo kiệt, ganh ghét, nhiều các thứ sầu khổ, nhiều các thứ thô trọng, nhiều các thứ phiền não, nhiều các thứ hành ác, nhiều các thứ hành ác, nhiều các thứ

phóng dật, nhiều các thứ biếng nhác, nhiều các thứ không tin. Thấy các sự việc ấy rồi liền khởi suy nghĩ: Đời ác nhiều ô trược hiện nay đang khởi. Lúc các tùy phiền não tạo tác não loạn, người có thể phát khởi tâm Bồ đề Thanh văn, Độc giác yếu kém hãy còn khó có thể có được, huống hồ là đối với đạo quả Bồ đề Chánh đẳng Vô thượng, mà có thể phát tâm. Ta phải nên phát tâm Đại Bồ đề khiến cho vô lượng hữu tình nơi đời ác này theo học nơi ta, khởi nguyện Bồ đề. Do sức tăng thượng của việc thấy nơi kiếp mạng, phát tâm khó đạt được, nên đối với Đại Bồ đề sinh tin hiểu sâu xa, nhân đây phát khởi tâm Đại Bồ đề. Đó gọi là duyên thứ của Bồ tát phát tâm đầu tiên.

Thế nào là bốn nhân? Tức là các Bồ tát, chủng tánh đầy đủ. Đó gọi là nhân thứ nhất của Bồ tát đầu tiên phát tâm.

Lại, các Bồ tát nhờ vào sự thâm nhận của các bậc thiện hữu là chư Phật, chư Bồ tát. Đó gọi là nhân thứ hai của Bồ tát đầu tiên phát tâm.

Lại, các Bồ tát đối với các chúng sanh hầu hết đều khởi tâm bi. Đó gọi là nhân thứ ba của Bồ tát đầu tiên phát tâm.

Lại nữa, các Bồ tát nơi thời gian rất dài trong sinh tử với vô số khổ não lớn hết sức mãnh liệt, đã tu tập hạnh khổ khó hành, không gián đoạn, không thiếu sót, không hề khiếp sợ. Đó gọi là nhân thứ tư của Bồ tát đầu tiên phát tâm.

Nếu các Bồ tát với sáu xứ thù thắng, từ đời vô thủy lần lượt truyền đến nay, đạt được pháp như vậy, nên biết đó gọi là chủng tánh đầy đủ. Do bốn thứ tướng nên nhận biết Bồ tát có đầy đủ thiện hữu. Nghĩa là các Bồ tát được gặp thiện hữu, tánh không ngu độn, thông minh, tuệ sáng, không rơi vào ác kiến. Đó gọi là Bồ tát có đầy đủ thiện hữu thứ nhất.

Lại, các Bồ tát được gặp thiện hữu, trọn không dạy người hành nơi phóng dật, cũng không trao cho các thứ vật dụng về phóng dật. Đó gọi là Bồ tát có đầy đủ thiện hữu thứ hai.

Lại, các Bồ tát được gặp thiện hữu, trọn không chỉ dạy người hành theo hành ác, cũng không trao cho các vật dụng thuộc hành ác. Đó gọi là Bồ tát có đầy đủ thiện hữu thứ ba.

Lại, các Bồ tát được gặp thiện hữu, hoàn toàn không khuyên xả bỏ tin muốn thọ học tinh tấn, phương tiện công đức thấp kém. Đó là hoàn toàn không khuyên bỏ Đại thừa, khuyên tu hai thừa. Khuyên bỏ Tu tuệ, khuyên tu Tư tuệ. Khuyên bỏ Tư tuệ, khuyên tu Văn tuệ. Khuyên bỏ Văn tuệ, khuyên tu nghiệp phước. Khuyên bỏ Thi-la, khuyên tu tuệ thí. Hoàn toàn không khuyên bỏ các loại công đức tăng thượng như vậy, để

lại khuyên tu các loại công đức thấp kém như thế. Đó gọi là Bồ tát có đầy đủ thiện hữu thứ tư.

Do bốn nhân duyên, nên biết Bồ tát đối với các chúng sinh, hầu hết đều khởi tâm bi.

Nghĩa là các Bồ tát tuy có vô lượng vô biên thế giới không khổ nơi mười phương, nhưng sinh trong các thế giới có khổ, ở đây luôn có các thứ khổ phải nhận chịu, chẳng phải là không có các thứ khổ. Hoặc có lúc thấy kẻ khác gặp phải một khổ não xúc đối với bức bách. Hoặc có lúc thấy tự mình gặp phải một khổ não xúc đối với bức bách. Hoặc thấy cả mình và người cùng gặp phải một khổ não xúc đối với bức bách. Hoặc thấy cả mình và người cùng gặp phải với vô số khổ lớn mãnh liệt, không gián đoạn xúc đối bức bách. Nhưng Bồ tát ấy dựa nơi chủng tánh của mình, tánh tự nhân, hiền, dựa nơi xứ của bốn cảnh, tuy không hành tập thường xuyên, nhưng có thể phát khởi tâm bi hạ trung thượng không hề dứt mất. Do bốn nhân duyên, nên biết Bồ tát đối với các chúng sinh, trước hết là khởi tâm bi. Ở trong thời gian rất dài nơi sinh tử, với vô số khổ não lớn mãnh liệt, tương tục không hề thiếu, vẫn tu tập hạnh khổ khó hành, hãy còn không khiếp sợ, hướng chi là khổ nhỏ. Nghĩa là tánh của các Bồ tát tự thể hiện sự dũng mãnh, có thể gắng nhẫn, có đủ uy lực. Nên biết đó gọi là nhân duyên thứ nhất.

Lại, các Bồ tát tánh tự thông sáng có thể chánh tư duy, gồm đủ phần quyết trạch. Nên biết đó gọi là nhân duyên thứ hai.

Lại, các Bồ tát có thể đối với đạo quả Bồ đề Chánh đẳng Vô thượng, thành tựu sự tin hiểu thanh tịnh phẩm thượng. Nên biết đó gọi là nhân duyên thứ ba.

Lại, các Bồ tát, đối với các chúng sinh, thành tựu tâm từ bi sâu xa. Nên biết đó gọi là nhân duyên thứ tư.

Thế nào là bốn lực? Đó là:

1. Tự lực.
2. Tha lực.
3. Nhân lực.
4. Gia hạnh lực.

Nghĩa là các Bồ tát do công sức của chính mình, nên có thể đối với đạo quả Bồ đề Vô thượng sinh khởi yêu thích sâu xa. Đó gọi là lực thứ nhất của Bồ tát đầu tiên phát tâm.

Lại, các Bồ tát, do công sức của người khác hỗ trợ nên có thể đối với đạo quả Bồ đề Vô thượng sinh khởi yêu thích sâu xa. Đó gọi là lực thứ hai của Bồ tát đầu tiên phát tâm.

Lại, các Bồ tát từ trước đã tu tập pháp thiện tương ứng với Đại thừa, nên nay vừa được thấy chư Phật, Bồ tát, hoặc vừa được nghe xưng tán danh hiệu của chư vị, liền có thể mau chóng phát tâm Bồ đề, hướng chí là được trông thấy thân lực, được nghe chánh pháp. Đó gọi là lực thứ ba của Bồ tát đầu tiên phát tâm.

Lại, các Bồ tát ở trong hiện pháp, gần gũi bậc thiện tri thức, lắng nghe chánh pháp, tư duy chắc chắn v.v... nơi thời gian dài tu tập vô số pháp thiện, do gia hạnh ấy nên phát tâm Bồ đề. Đó gọi là lực thứ tư của Bồ tát đầu tiên phát tâm.

Nếu các Bồ tát dựa nơi bốn duyên, bốn nhân chung riêng nêu trên, hoặc do tự lực, hoặc do nhân lực, hoặc do chung cả hai lực mà phát tâm, nên biết tâm ấy kiên cố không động. Hoặc do tha lực, hoặc do lực gia hạnh, hoặc do chung cả hai lực mà phát tâm, nên biết tâm ấy không kiên cố cũng chẳng không động.

Có bốn nhân duyên có thể khiến cho Bồ tát thối chuyển tâm Bồ đề. Những gì là bốn? Đó là:

1. Chủng tánh không đủ.
2. Gắn bó với bạn ác.
3. Đối với các chúng sanh tâm bi mỏng kém.
4. Ở trong thời gian rất dài nơi sinh tử, với các hành khổ khó hành, với vô số các thứ khổ lớn mãnh liệt, không gián đoạn, tâm sinh khiếp sợ, kinh hãi.

Bốn thứ nhân duyên khiến tâm Bồ đề thối chuyển như vậy, là trái ngược với bốn nhân phát tâm nêu trên, đã biện biệt rộng về tướng như trước nên biết.

Bồ tát đầu tiên phát tâm kiên cố, lược có hai loại, là pháp hết sức hy hữu, không chung với thế gian. Đó là:

1. Gồm thâm các chúng sinh đều là quyến thuộc.
2. Gồm thâm lỗi lầm của quyến thuộc vào chỗ không thể cấu nhiễm.

Gồm thâm lỗi lầm của quyến thuộc có hai thứ: Nghĩa là đối với quyến thuộc tạo lợi ích, gây tổn giảm, nhiễm ô, thuận, nghịch. Hai sự như thế Bồ tát đều không.

Bồ tát đầu tiên phát tâm kiên cố, đối với các chúng sinh phát khởi hai thứ ý lạc thiện thắng:

1. Ý lạc tạo lợi ích.
2. Ý lạc an lạc.

Ý lạc tạo lợi ích: Nghĩa là muốn từ các nơi chốn bất thiện kia, cứu

vớt chúng sinh, đưa họ đến xứ thiện.

Ý lạc an lạc: Nghĩa là đối với các chúng sinh bản cùng, không nơi chốn nương dựa, nhờ cậy, tâm nhằm lìa nhiễm ô. Bồ tát muốn đem lại cho họ vô số vật dụng tạo an lạc, lợi ích.

Bồ tát đầu tiên phát tâm kiên cố, có hai thứ gia hạnh:

1. Gia hạnh ý lạc.
2. Gia hạnh chánh hành.

Gia hạnh ý lạc: Đó là ý lạc tạo lợi ích, an lạc ngày đêm tăng trưởng.

Gia hạnh chánh hành: Nghĩa là nơi ngày đêm có thể gia hạnh để tự thành thực về pháp Phật, cùng đối với các chúng sinh, tùy theo năng lực, dựa vào gia hạnh ý lạc đã nêu ở trước, khởi gia hạnh nhằm đem lại lợi ích, an lạc.

Bồ tát đầu tiên phát tâm kiên cố, có hai pháp môn tăng trưởng đại thiện:

1. Gia hạnh tự lợi, có thể chứng đắc đạo quả Bồ đề Vô thượng.
2. Gia hạnh lợi tha, có thể giải thoát các khổ cho tất cả hữu tình.

Như hai pháp môn tăng trưởng đại thiện, hai thứ pháp tụ đại thiện, hai thứ pháp tạng đại thiện vô lượng, nên biết cũng vậy.

Bồ tát đầu tiên phát tâm kiên cố, do mới phát tâm cầu Bồ đề nên pháp thiện được thấu tóm, so với tất cả pháp thiện được gồm thấu nơi các trường hợp khác, có hai thứ hơn hẳn:

1. Nhân hơn hẳn.
2. Quả hơn hẳn.

Nghĩa là các Bồ tát thấu tóm pháp thiện, đều là nhân có thể chứng đắc đạo quả Bồ đề Vô thượng, nên đạo quả Bồ đề Vô thượng được chứng đắc là quả ấy. Do đấy, so với hết thấy pháp thiện khác thuộc về hàng Nhị thừa hãy còn là thù thắng, hướng chi là so sánh với pháp thiện khác thuộc về tất cả hữu tình. Do đấy, pháp thiện thuộc về Bồ tát, so với hết thấy pháp thiện khác được gồm thấu, nhân quả đều hơn hẳn.

Bồ tát đầu tiên phát tâm kiên cố, lược có hai thứ phát tâm thắng lợi: Một là mới phát tâm Bồ đề rồi, tức là phước điền tôn kính của chúng sinh, hết thấy hữu tình đều nên cúng dường, cũng làm bậc cha mẹ của tất cả chúng sinh.

Hai là mới phát tâm Bồ đề rồi, tức có thể thấu nhận phước không nào hại. Do Bồ tát này thành tựu phước không nào hại như vậy, nên đạt được sự hộ trì gấp bội của Luân vương. Vì đạt được sự hộ trì như thế, nên hoặc ngủ hoặc thức, hoặc lúc sâu muộn, mê loạn, tất cả các thứ yêu

mì, được xoa, trạch thân, nhân phi nhân v.v... đều không thể nhiều hại.

Lại, Bồ tát này chuyển nhận sang đời khác, do phước được thâu giữ như vậy, nên thường ít bệnh, không bệnh, không bị những bệnh nặng xúc đối trong thời gian dài. Đối với việc tạo nghĩa lợi cho các chúng sinh, có thể dùng thân, ngữ dũng mãnh hành trì, luôn vì các chúng sinh nêu giảng chánh pháp, thân không mệt mỏi, niệm không quên mất, tâm không tổn nhục.

Bản tánh của Bồ tát lúc trụ nơi chủng tánh, hết thấy tánh thô trọng đều tự mỏng, yếu. Đã phát tâm rồi thì các thứ thô trọng hiện có lại càng nhẹ, ít, tức là những thứ thô trọng nơi thân tâm. Bồ tát thành tựu nhẫn nhục hòa tăng thượng, có thể nhẫn chịu sự bức não của kẻ khác, nhưng không hề não hại kẻ kia. Thấy kẻ khác bị não hại, Bồ tát luôn khởi tâm bi sâu xa. Các thứ tùy phiền não như não, phẫn, tật (ganh ghét), siểm (dua nịnh) đều có thể hàng phục, loại bỏ khiến thể mạnh của chúng giảm thiểu, hoặc vừa hiện hành liền mau chóng có thể trừ diệt. Theo chỗ cư trú nơi các thành ấp, cõi nước, trong ấy hiện có các thứ khủng bố, tranh chấp, đói khát lỗi lầm, các thứ bệnh dịch, tai họa do hàng phi nhân gây tạo, nếu chúng chưa khởi thì không khởi, nếu như khởi rồi thì liền diệt.

Lại, Bồ tát đầu tiên phát tâm ấy, hoặc vào một thời sinh nơi cõi cực ác là địa ngục, thì phần nhiều đều mau chóng được giải thoát, nhận chịu khổ thọ nhỏ, sinh sự chán lìa lớn, đối với các chúng sinh thọ khổ kia luôn khởi tâm đại bi. Tất cả như vậy đều nhân nơi sự thâu nhận phước không não hại.

Bồ tát đầu tiên phát tâm kiên cố, do có thể thâu nhận phước không não hại, nên nhận lãnh được rất nhiều các loại thắng lợi như thế.

Địa thứ 15: Địa Bồ tát

Xứ trì Du già thứ nhất: Phẩm 3, phần 1: Tự tha lợi

Như vậy là Bồ tát tức đã phát tâm. Thế nào là tu hành các hạnh Bồ tát? Lược nêu về hoặc học xứ, hoặc học như vậy, hoặc có thể tu học của Bồ tát, tất cả như thế được thâu gồm chung làm một gọi là hạnh Bồ tát.

Các Bồ tát này ở nơi xứ nào để học? Nghĩa là có bảy xứ học. Những gì là bảy xứ? Tụng nêu:

Tự tha lợi thật nghĩa

Uy lực thực hữu tình

Thành tựu tự pháp Phật

Xứ Bồ đề thứ bảy.

Bảy xứ là:

1. Xứ tự lợi.
2. Xứ lợi tha.
3. Xứ nghĩa chân thật.
4. Xứ uy lực.
5. Xứ thành thực hữu tình.
6. Xứ thành thực tự pháp Phật.
7. Xứ Bồ đề Chánh đẳng Vô thượng.

Thế nào là xứ tự lợi, lợi tha? Nghĩa là tự lợi, lợi tha lược có mười thứ:

1. Thuần tự lợi lợi tha.
2. Cùng tự lợi lợi tha.
3. Tự lợi lợi tha chủng loại lợi ích.
4. Tự lợi lợi tha chủng loại an lạc.
5. Tự lợi lợi tha nhân gồm thân.
6. Tự lợi lợi tha quả gồm thân.
7. Tự lợi lợi tha của đời này.
8. Tự lợi lợi tha của đời khác.
9. Tự lợi lợi tha rốt ráo.
10. Tự lợi lợi tha không rốt ráo.

Thế nào là thuần, cùng tự lợi lợi tha của Bồ tát? Nghĩa là các Bồ tát đối với tự lợi lợi tha thuần túy, nên nhận biết nên đoạn trừ những trái vượt không thuận hợp với oai nghi của Bồ tát, do đó nơi các trường hợp khác phải siêng năng tu học, luôn thuận theo oai nghi của mình.

Ở đây, Bồ tát đối với tự lợi thuần túy, nên biết nên đoạn trừ: Nghĩa là vì mình nên vui cầu tài sản để thọ dụng. Hoặc vì hạnh tức pháp, nên đối với giáo pháp được Phật, Bồ tát thuyết giảng, luôn tìm cầu thưa hỏi để thọ trì. Hoặc vì muốn sinh lên cõi trời thọ hưởng những diệu lạc nơi cõi ấy nên thọ trì giới cấm, phát khởi tinh tấn tu tập định tuệ. Hoặc cầu đạt các quả báo có nhiệm của thế gian, dùng các thứ của cải, thực phẩm ở đời cung kính cúng dường tháp báu của chư Phật. Hoặc tham lợi dưỡng, vì lợi dưỡng nên tự nêu giảng về vô số công đức không thật, không có nghĩa lợi, dối gạt kẻ khác để tích tập lợi dưỡng. Hoặc muốn tham cầu kẻ khác làm tội lỗi cho mình để sai khiến, thân tóm chúng theo phi pháp, không như chánh pháp, giả bày phương tiện cứu vớt hữu tình, khiến tội lỗi của kẻ khác từ bỏ họ, trở lại thân nhận làm tội lỗi của mình. Cứu giúp hữu tình khiến họ thoát khỏi trôi buộc,

nhưng trở lại thành lệ thuộc cho sự nghiệp của mình. Cứu giúp hữu tình khiến họ thoát khỏi vô số sợ hãi do bị trị phạt của kẻ khác, nhưng trở lại tự thân phục khiến họ sợ hãi đối với mình.

Nếu các Bồ tát tham đắm về các định nơi hiện pháp lạc trú, từ bỏ tư duy về các sự việc đem lại lợi lạc cho chúng sinh, nên biết những thứ ấy gọi là thuận tự lợi. Bồ tát nơi hành thuận tự lợi ấy, nên biết nên đoạn.

Nếu các Bồ tát hoặc lấy bi làm đầu, hoặc vì hồi hướng về đạo quả Bồ đề Vô thượng, cùng vì sinh thiên, nên trong mọi thời tu tập tập thí, nhân v.v..., nên biết đó gọi là tự lợi cùng tự tha.

Lại, ngoại trừ các tướng đã nói ở trước, hết thấy các thứ còn lại, trái ngược với các hành tự lợi hiện có của các Bồ tát, nên biết đều gọi là tự lợi cùng lợi tha. Bồ tát đối với các pháp ấy nên siêng năng tu học.

Ở đây, Bồ tát đối với hành thuận lợi tha nên biết nên đoạn: Nghĩa là do tà kiến, nên hành thí v.v..., theo kiến chấp không nhân, kiến chấp không quả mà hủy phạm Thi-la, xa lìa chánh hạnh, vì kẻ khác thuyết pháp.

Nếu các Bồ tát, đối với các Tĩnh lự khéo léo hồi chuyển, đã vượt qua địa dưới, nhưng lại thân nhận pháp bạch của địa dưới. Nghĩa là Bồ tát đã có thể an trụ nơi Tĩnh lự, nhưng do nguyện lực của tâm bi, nên bỏ các Tĩnh lự, tùy chỗ ưa thích sinh trở lại nơi Dục giới.

Lại, các Bồ tát, đã được tự tại, nơi mười phương cõi, hiện bày vô số biến hóa, tạo muôn loại nghĩa lợi cho các chúng sinh.

Lại, các vị tu tịch tĩnh, sự việc của mình đã thành tựu, nương dựa nơi tất cả pháp Phật bất cộng hiện có của Như-lai như mười lực, bốn vô sở úy, đối với vô lượng chúng sinh khắp mười phương, có thể tạo ra vô lượng lợi ích lớn, nên biết những thứ ấy gọi là hành thuận lợi tha. Như vậy là đã nói về hành thuận lợi tha, Bồ tát đối với hai thứ đã được nêu bày ở trước, nên biết, nên đoạn. Về chỗ đã nêu bày về hành thuận lợi tha khác, phần nhiều nên tu học.

Lại, trừ các tướng đã nói ở trước, còn lại tất cả các hành lợi tha hiện có của Bồ tát trái ngược với các tướng đã nêu, nên biết đều gọi là lợi tha cùng tự lợi. Bồ tát đối với các pháp ấy nên siêng năng tu học.

Thế nào là tự lợi lợi tha chủng loại lợi ích của Bồ tát? Lược nói nên biết có năm thứ tướng:

1. Tướng không tội.
2. Tướng thân nhận.
3. Tướng đời này.

4. Tướng đời khác.

5. Tướng tịch diệt.

Nếu các Bồ tát hiện có, tự có thể hoặc ít hoặc nhiều thâm nhận pháp thiện, tăng trưởng pháp thiện. Hoặc lại khiến cho kẻ khác hoặc ít hoặc nhiều thâm nhận pháp thiện, tăng trưởng pháp thiện, khuyến gắng điều phục, kiến lập, an trụ. Đó gọi là tướng không có tội nơi tự lợi lợi tha chủng loại lợi ích của Bồ tát.

Nếu các Bồ tát có thể dẫn dắt hoặc tự hoặc tha hiện có đến với an lạc không nhiễm ô, hoặc có đủ nhiều thứ an lạc, hoặc trụ nơi định lạc, đó gọi là tướng có thể thâm nhận nơi tự lợi lợi tha chủng loại lợi ích của Bồ tát.

Nếu tự lợi lợi tha của các Bồ tát, hoặc nơi đời này có thể tạo lợi ích, chẳng phải là nơi đời khác. Hoặc nơi đời khác có thể tạo lợi ích, chẳng phải là nơi đời này. Hoặc có trường hợp đời này cùng đời khác đều được lợi ích. Hoặc có trường hợp đời này cùng đời khác đều không được lợi ích. Bốn thứ tự lợi lợi tha như vậy, đối với bốn pháp thọ nhận tùy theo thứ lớp, như chỗ ứng hợp, nên biết.

Thế nào gọi là bốn thứ pháp thọ nhận? Tức là, hoặc có pháp thọ nhận, hiện tại thọ lạc, nơi đời vị lai thọ dị thực khổ. Hoặc có pháp thọ nhận, hiện tại thọ lạc, nơi đời vị lai thọ dị thực lạc. Hoặc có pháp thọ nhận, hiện tại thọ khổ, nơi đời vị lai thọ dị thực khổ. Bốn pháp này như nơi kinh đã biện giải rộng, nên biết. Đó gọi là tướng đời này, đời khác nơi tự lợi lợi tha chủng loại lợi ích của Bồ tát.

Nếu các Bồ tát với Niết bàn hiện có cùng Niết bàn đạt được, là phần pháp của Niết bàn thế gian xuất thế gian, đó gọi là tướng tịch diệt tóm lược nơi tự lợi lợi tha chủng loại lợi ích của Bồ tát. Nên biết, tướng ấy so với tất cả tướng khác là tối thắng, vô thượng.

Thế nào là tự lợi lợi tha chủng loại an lạc của Bồ tát? Lược nêu nên biết thuộc về năm thứ lạc:

1. Lạc của nhân.
2. Lạc của thọ.
3. Lạc đối trị khổ.
4. Lạc thọ đoạn.
5. Lạc không nào hại.

Lạc của nhân: Nghĩa là hai phẩm Lạc nơi cảnh giới của các căn. Hoặc đây là nhân, thuận theo xúc của lạc thọ. Hoặc các hiện pháp hiện có, và nghiệp quả đáng yêu thích của vị lai. Tất cả như vậy được thâm tóm chung làm một gọi là lạc của nhân. Trừ chúng ra thì không còn

pháp nào hoặc vượt qua hoặc tăng thêm.

Lạc của thọ: Do chỗ nói ở trước về ba nhân duyên thuộc lạc của nhân, nên chờ khổ dứt, có thể thấu tóm lợi ích nơi thọ của thân tâm sinh, gọi là lạc của thọ. Lược nói về lạc này lại có hai thứ:

1. Hữu lậu.
2. Vô lậu.

Lạc vô lậu: Là lạc của bậc hữu học, vô học.

Lạc hữu lậu: Là lạc thuộc ba cõi Dục, Sắc, Vô sắc.

Lại, tất cả lạc thuộc ba cõi này, tùy chỗ ứng hợp với sáu xứ sai biệt, nên có sáu loại. Đó là lạc do nhãn xúc sinh, cho đến lạc do ý xúc sinh. Sáu loại như vậy lại gồm thấu gồm hai:

1. Lạc của thân.
2. Lạc của tâm.

Lạc tương ứng với năm thức gọi là lạc của thân. Lạc tương ứng với ý thức gọi là lạc của tâm.

Lạc đối trị khổ: Nghĩa là nhân nơi các sự việc nóng lạnh đói khát v.v... sinh khởi vô số khổ thọ, chẳng phải là một mà là rất nhiều phẩm loại. Do có thể đối trị, dứt trừ các khổ của lạnh nóng đói khát, tức khi khổ dứt diệt như vậy, sinh khởi lạc giác. Đây tức gọi là lạc đối trị khổ.

Định diệt tưởng thọ gọi là lạc thọ đoạn.

Lạc không nào hại: Nên biết lược nêu lại có bốn thứ:

1. Lạc xuất ly.
2. Lạc xa lìa.
3. Lạc tịch tĩnh.
4. Lạc Tam Bồ đề.

Chánh tín, từ bỏ nhà, hướng đến đời sống không nhà, giải thoát khỏi vô số khổ lớn bức bách nơi đời sống gia đình chật hẹp, gọi là lạc xuất ly.

Đoạn trừ các pháp bất thiện, dục ác, chứng đắc ly sanh hỷ lạc của Tĩnh lự thứ nhất, gọi là lạc xa lìa.

Các định từ Tĩnh lự thứ hai trở lên, tâm tứ dừng dứt, gọi là lạc tịch tĩnh.

Lìa mọi trói buộc một cách rớt ráo đối với tất cả phiền não, nơi sự việc được nhận biết đều cùng giác ngộ như thật. Lạc này gọi là lạc Tam Bồ đề.

Ở đây, lạc của nhân là nhân của lạc, nên gọi là lạc, chẳng phải là tự tánh.

Lạc của thọ ở đây là tự tánh lạc, nên gọi là lạc, chẳng phải là nhân

của lạc.

Lạc đối trị khổ, do dứt các khổ, loại trừ các khổ, nên gọi là lạc, chẳng phải là nhân của lạc, chẳng phải là tự tánh.

Lạc thọ đoạn: Chẳng phải là nhân của lạc, chẳng phải là tự tánh, cũng chẳng phải là dứt trừ vô số khổ nên gọi là lạc. Nhưng là dựa vào thắng nghĩa, các thọ hiện có thấy đều là khổ. Lúc trụ nơi định diệt tận, thì khổ thuộc thắng nghĩa này tạm thời tịch tĩnh, nên gọi là lạc.

Lạc không nào hại thuộc về lạc sau cùng là lạc Tam Bồ đề. Do nơi đời vị lai, khổ thuộc thắng nghĩa ấy vĩnh viễn vắng lặng, nên ở trong hiện pháp, tất cả các thứ thô trọng của các phẩm phiền não, tạo thành chỗ dựa, đều vĩnh viễn dứt bật, nên gọi là lạc. Các lạc không nào hại hiện có khác, đối với lạc sau cùng, đều có thể tùy thuận, nên là phần của lạc ấy, có thể dẫn đến lạc ấy, nên biết cũng gọi là lạc không nào hại.

Ở đây, Bồ tát nhớ nghĩ đem lại cho chúng sinh những an lạc hiện có của phẩm không lợi ích. Bồ tát đối với những an lạc hiện có của phẩm không lợi ích ấy, dùng tuệ thuận hợp để nhận biết rõ như thật, khuyên các chúng sinh khiến đều lìa bỏ, tùy theo năng lực tạo phương tiện để loại trừ.

Nếu khổ thuận theo sự việc có lợi ích, chúng sinh đối với điều ấy tuy không vui muốn, Bồ tát nương dựa vào phương tiện quyền xảo nên bày gồm cả sâu khổ để trao cho họ. Nếu lạc thuận theo sự việc không lợi ích, chúng sinh đối với điều ấy tuy có vui muốn, Bồ tát nương dựa vào phương tiện quyền xảo, nên bày gồm cả hỷ lạc để loại bỏ. Vì sao? Nên biết phương tiện quyền xảo như vậy, tức gồm trao cho sâu khổ nơi sự việc có lợi ích, gồm dứt bỏ hỷ lạc nơi sự việc không lợi ích, khiến các chúng sinh kia về sau quyết định đạt được an vui. Vì thế, Bồ tát đối với các chúng sinh, nếu vui thích lợi ích, nên biết về ý nghĩa tức là vui thích an lạc. Đối với các chúng sinh nếu đem lại lợi ích, nên biết về ý nghĩa tức đem lại an lạc. Vì sao? Vì lợi ích như nhân, an lạc như quả. Do đó nên biết, đối với các chúng sinh, nếu ban cho lợi ích, tất ban cho an lạc. Nên biết hiện pháp hiện có và nghiệp quả đáng yêu thích của vị lai, là được gồm thâu nơi lạc của nhóm, lạc đối trị khổ, lạc thọ đoạn và lạc không nào hại. Bồ tát đối với các lạc ấy không nên lường xét, nơi các chúng sinh toàn bộ đều trao cho. Do có thể tạo lợi ích cùng không tội, nên đối với chúng sinh thọ lạc cùng căn, trần tiếp xúc được gồm thâu nơi lạc của nhân. Nếu có thể sinh nhiễm, hoặc tánh là nhiễm, hoặc có tội, không lợi ích, tức chẳng phải là chỗ thích hợp.

Đối với các chúng sinh không nên trao cho, nếu không sinh nhiễm hoặc tánh không nhiễm, hoặc không tội, có lợi ích, tức là chỗ thích hợp. Đối với các chúng sinh tức nên trao cho, Bồ tát nơi trường hợp ấy tùy theo năng lực của mình, cũng nên tu hành, thọ học như vậy. Nên biết đó gọi là tự lợi, lợi tha chủng loại an lạc lợi ích của Bồ tát. Trừ chúng ra thì không có pháp nào hoặc vượt qua hoặc tăng thêm.

